

KẾ HOẠCH
Triển khai trồng rừng năm 2019

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Công văn số 631/UBND-NNMT ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Để tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch trồng rừng trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch trồng rừng năm 2019, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN.

1. Mục đích:

- Góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

- Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích.

- Chủ động trong việc chuẩn bị hiện trường, giống, thời vụ trồng rừng, nhân lực và nguồn vốn cho công tác trồng rừng năm 2019 đạt hiệu quả cao.

- Thuận lợi cho việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện trồng rừng theo đúng quy định.

2. Yêu cầu:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với quy hoạch ngành và các quy hoạch khác phù hợp chương trình phát triển lâm nghiệp tỉnh và địa phương.

- Xây dựng kế hoạch có tính khả thi; nội dung của kế hoạch thể hiện cụ thể về vị trí, thời gian, tiến độ và nguồn vốn triển khai thực hiện.

3. Quy mô thực hiện:

- Kế hoạch trồng rừng tập trung năm 2019: 1.177,8ha, trong đó:
 - + Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng (trồng rừng thay thế): 35,0ha;
 - + Trồng rừng sản xuất: 1.142,8ha (trồng rừng mới: 84,6ha; trồng rừng sau khai thác: 1.058,2ha).
- Trồng cây phân tán: 104.900 cây/năm.

(chi tiết tại phụ biểu kèm theo)

4. Nguồn vốn:

- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng (trồng rừng thay thế):
 - + Kinh phí trồng rừng từ nguồn Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.
 - + Riêng trồng rừng thay thế đối với các công trình công cộng 2.961,1 ha theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước; Giao Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Kế hoạch sau khi được bố trí kinh phí từ ngân sách Nhà nước.
- Trồng rừng sản xuất: Từ nguồn vốn của các doanh nghiệp.
- Trồng cây phân tán: Từ nguồn vốn hỗ trợ Nhà nước.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Kỹ thuật:

- Hiện trường: Rà soát quỹ đất, xác định đối tượng đất đưa vào trồng rừng; chọn loại cây trồng; xử lý thực bì, làm đất, tiêu chuẩn cây giống; mật độ trồng; phương thức trồng; chăm sóc rừng trồng... theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về các biện pháp lâm sinh.

- Sử dụng nguồn giống, cây giống trồng rừng: Phải sử dụng từ các nguồn giống đã được công nhận và còn thời hạn sử dụng; vật liệu giống hoặc cây giống cây trồng chính phải đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính, công nhận giống và nguồn giống, quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính; trong đó tập trung, ưu tiên kinh doanh trồng rừng cây gỗ lớn.

- Thời vụ trồng rừng: Đối với các huyện Ea Súp, Krông Ana, Lắk, Krông Bông, Krông Pắc, Ea H'Leo, thời vụ trồng rừng bắt đầu khoảng từ tháng 6 và kết thúc

mùa vụ trồng rừng khoảng từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2019. Riêng huyện Ea Kar, M'Đrăk, thời vụ trồng rừng bắt đầu từ tháng 8 và kết thúc tháng 11 năm 2019.

2. Giải pháp đất đai:

- Quỹ đất dự kiến trồng rừng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh, của địa phương và không tranh chấp.

- Đất đưa vào xây dựng kế hoạch trồng rừng phải là đất chưa có rừng, rừng trồng sau khai thác, thiên tai..., đảm bảo theo đúng đối tượng được quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về các biện pháp lâm sinh.

3. Giải pháp nguồn vốn đầu tư, nguồn nhân lực:

- Vốn đầu tư:

+ Nguồn vốn để triển khai thực hiện Kế hoạch trồng rừng sản xuất trong năm 2019 chủ yếu bằng nguồn vốn tự có và vốn vay của doanh nghiệp; vốn ngân sách nhà nước và vốn từ nguồn Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh chủ yếu đầu tư trồng rừng thay thế và cây phân tán.

+ Các tổ chức có đăng ký kế hoạch trồng rừng năm 2019 tăng cường huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, tăng cường vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân để bảo đảm bố trí vốn đầy đủ, kịp thời theo đúng kế hoạch trồng rừng năm 2019, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đăng ký.

- Nguồn nhân lực:

+ Căn cứ vào quy mô thực hiện, các chủ rừng, đơn vị, tổ chức, cá nhân tập trung mọi nguồn lực, nhân lực để chuẩn bị tiến hành triển khai thực hiện công tác trồng rừng năm 2019 kịp tiến độ và mùa vụ, theo đúng quy định, để đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

+ Ưu tiên nguồn nhân lực tại địa phương nhằm khuyến khích hoạt động nghề rừng cho người dân, nâng cao ý thức bảo vệ và phát triển rừng.

4. Thời gian thực hiện:

- Rà soát quỹ đất trồng rừng: Thời gian từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2019.

- Xây dựng hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh trồng rừng theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

- Về xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng: theo Quyết định số 38/QĐ-BNN ngày 6/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định

mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng, nuôi dưỡng rừng.

- Thẩm định dự toán công trình lâm sinh trồng rừng: Thời gian từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2019.

- Triển khai thực hiện trồng rừng bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc tháng 11/2019.

- Kiểm tra, đôn đốc tiến độ trồng rừng năm 2019, tổng hợp báo cáo tiến độ trồng rừng thời gian từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2019.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hướng dẫn, đôn đốc các Công ty TNHH 1TV, 2TV Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, vườn quốc gia, các chủ dự án có kế hoạch trồng rừng năm 2019 (gọi tắt các đơn vị chủ rừng), xây dựng hồ sơ thiết kế dự toán công trình trồng rừng năm 2019 trình Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, phê duyệt để có cơ sở triển khai thực hiện.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện việc trồng cây phân tán tại các cơ quan, trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa thôn buôn, sân vận động các trục đường giao thông và các công trình công cộng khác kế hoạch năm 2019.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ giải pháp công tác triển khai trồng rừng trên địa bàn tỉnh và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tiến độ trồng rừng năm 2019. Tham mưu đề xuất UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2019.

- Tiếp tục rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh kế hoạch trồng rừng thay thế đối với các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để xây dựng các công trình công cộng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cân đối nguồn vốn đầu tư theo Luật đầu tư công; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công, theo định mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

3. Sở Tài Chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí trồng rừng thay thế đối với công trình công cộng cây phân tán tại các địa phương, cơ quan, trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa thôn buôn, sân vận động các trục đường giao thông và các công trình công cộng khác...

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Triển khai Kế hoạch trồng rừng theo các Chương trình trên cơ sở nghiên cứu kỹ mức hỗ trợ (đơn giá), điều kiện, đối tượng được nhà nước hỗ trợ theo quy định tại các cơ chế chính sách của nhà nước quy định tại mục 1 Công văn số 631/UBND-NNMT ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT về số liệu diện tích, điều kiện được hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ..., trong Kế hoạch thực hiện Chương trình của UBND các huyện xây dựng bố trí hỗ trợ kinh phí trồng cây phân tán.

5. Các Công ty TNHH 1TV, 2TV Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, vườn quốc gia, các chủ dự án: Tập trung các nguồn lực cần thiết để thực hiện tốt công tác trồng rừng kế hoạch năm 2019 theo đúng tiến độ, mùa vụ, có hiệu quả. Đồng thời thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trồng rừng năm 2019 (tuần, tháng, quý, 6 tháng, năm) gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Nhận được Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận

- TT TƯ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT;
Kế hoạch và Đầu tư; Tài Chính;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh;
- Các Ban quản lý rừng Phòng hộ, Đặc dụng;
- Các Công ty TNHH 1TV, 2TV;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
+ CVP, PCVP (đ/c Vinh);
+ Các phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, NNMT (V - 60b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knơng

PHỤ BIỂU 01: KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số ~~3683~~ 3683/KH-UBND ngày 09/ 5 /2019 của UBND tỉnh)

STT	Địa điểm	Diện tích trồng rừng tập trung năm 2019				Trồng cây phân tán (cây)	Ghi chú
		Tổng (ha)	Rừng PH, ĐĐ (ha)	Rừng sản xuất			
				Trồng mới (ha)	Sau Khai thác (ha)		
1	TP Buôn Ma thuật	-				5.500,0	
2	Thị xã Buôn Hồ	7,8		4,6	3,2	2.400,0	
3	Huyện Ea H'leo	-				33.000,0	
4	Huyện M'Đrắk	400,0			400,0	32.000,0	
5	Huyện Krông Bông	455,0			455,0	-	
6	Huyện Ea Kar	170,0	20,0		150,0	-	
7	Huyện Ea Súp	50,0		50,0			
8	Huyện Krông Ana	50,0			50,0	32.000,0	
9	Huyện Krông Năng	45,0	15,0	30,0	-	-	
	Tổng	1.177,8	35,0	84,6	1.058,2	104.900,0	

PHỤ BIỂU 02: KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số: ~~3623~~.../KH-UBND ngày 09/ 5 /2019 của UBND tỉnh)

Stt	Địa điểm	Kế hoạch trồng rừng năm 2019							Nguồn vốn	
		Tổng (ha)	Trồng cây phân tán	Trồng rừng tập trung (ha)					Vốn ngân sách (đồng)	Vốn khác (đồng).
				Trồng rừng thay thế (PH, ĐĐ)	Trồng rừng sản xuất					
			Số cây		PH	ĐĐ	Trồng trên đất chưa có rừng.	Sau khai thác.		
I	UBND TP Buôn Ma Thuột	-	5.500							
	- Cty TNHH MTV Đô thị và MT	-	5.500						x	
II	UBND huyện Ea H'leo	-	33.000	-						
	- Các tổ chức, đoàn thể ...	-	33.000						x	
III	UBND huyện Ea Súp	50,0	-	-	-	50,0	-	-		
	- Cty TNHH Chế biến thực phẩm và LN Đắk Lắk	50,0				50,0				x
IV	UBND huyện Ea Kar	170,0	-	-	20,0	-	150,0	-		
	- Cty TNHH MTV LN Ea Kar	150,0					150,0		x	
	- Ban QL Khu BTTN Ea Sô	20,0			20,0				x	
V	UBND huyện Krông A Na	50,0	32.000	-	-	-	50,0	-		
	- Cty Bảo Lâm	50,0					50,0			x
	- Các tổ chức, đoàn thể ...	-	32.000						x	
VI	UBND huyện Krông Bông	455,0	-	-	-	-	455,0	-		
	- Cty TNHH MTV LN Krông Bông	455,0					455,0			x
VII	UBND thị xã Buôn Hồ	7,8	2.400	-	-	4,6	3,2	-		
	- Các tổ chức, đoàn thể ...	7,8	2.400			4,6	3,2		x	
VIII	UBND huyện M'Đrắk	400,0	32.000	-	-	-	400,0	-		
	- Ban QL RPH Núi Vọng Phu	400,0					400,0		x	x
	- Các tổ chức, đoàn thể ...	-	32.000						x	
IX	UBND huyện Krông Năng	45,0	-	15,0	-	30,0	-	-		
	- Ban QL RPH ĐN Krông Năng	45,0		15,0		30,0			x	x
Tổng		1.177,8	104.900,0	15,0	20,0	84,6	1.058,2	-		